



KẾT QUẢ VÒNG 3 CUỘC THI TOEFL PRIMARY 2018
(Sắp xếp theo Điểm tổng)



Test date: 12/May/19

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: HỒ CHÍ MINH

TỔNG SỐ THÍ SINH THAM 168

Cao nhất: 900

Thấp nhất: 650

Điểm trung bình: 815

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Đọc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
								Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
1	Ho Viet	Minh	26-Oct-00	88200080	5/B4	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 10	300	B2	300	B2	300	B2	900	B2	1160L
2	Ha Phan	Anh	26-Oct-00	88016793	4	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	300	B2	300	B2	295	B2	895	B2	1125L
3	Tran Ton Bao	Ngan	26-Oct-00	88200136	4/2	TH KẾT ĐOÀN	QUẬN 1	300	B2	295	B2	300	B2	895	B2	1160L
4	Lai Trung	Hieu	21-Oct-00	88012684	5A	DL VIỆT MỸ (VASS)	QUẬN GÒ VẤP	295	B2	300	B2	295	B2	890	B2	1125L
5	Tran Gia	Vy	26-Oct-00	88200191	5/6	TH HOÀNG VĂN THỤ	QUẬN TÂN BÌNH	300	B2	295	B2	295	B2	890	B2	1125L
6	Le Thuc	Nghi	16-Oct-00	88012761	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	290	B2	295	B2	300	B2	885	B2	1160L
7	Ta Vu Truc	Linh	16-Oct-00	88007090	4B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	290	B2	295	B2	300	B2	885	B2	1160L
8	Chu Xuan	Bach	11-Oct-00	88007169	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	285	B1	300	B2	300	B2	885	B2	1160L
9	Dinh Huynh Minh	Chau	11-Oct-00	88003843	5/2	TH BÌNH GIÃ	QUẬN TÂN BÌNH	285	B1	300	B2	300	B2	885	B2	1160L
10	Do Chi	Trung	21-Oct-00	88022454	5/6	TH TRẦN HƯNG ĐẠO	QUẬN 1	295	B2	295	B2	295	B2	885	B2	1125L
11	Tran Bui Thuy	Anh	26-Oct-00	88020434	5A	TH TRẦN QUỐC THẢO	QUẬN 3	300	B2	285	B2	300	B2	885	B2	1160L
12	Bui Minh	Phuc	26-Oct-00	88200110	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	300	B2	295	B2	285	B2	880	B2	1050L
13	Le Tue	Doanh	21-Oct-00	88006177	5/7	TH THANH ĐA	QUẬN BÌNH THẠNH	295	B2	285	B2	300	B2	880	B2	1160L
14	Thai Minh	Anh	26-Oct-00	88200127	5/4	TH BÙI VĂN MỜI	QUẬN 9	300	B2	275	B1	300	B2	875	B2	1160L
15	Cao Nguyen Ngoc	Lam	16-Oct-00	88200164	5/6	TH CAO BÁ QUÁT	QUẬN PHÚ NHUẬN	290	B2	285	B2	300	B2	875	B2	1160L
16	Nguyen Ngoc Minh	Tan	16-Oct-00	88200151	5	TH TRẦN HƯNG ĐẠO	QUẬN 1	290	B2	285	B2	300	B2	875	B2	1160L
17	Nguyen Ha Le	Anh	21-Oct-00	88200243	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	295	B2	280	B2	295	B2	870	B2	1125L
18	Dong Gia	Nghi	16-Oct-00	88016846	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	290	B2	295	B2	285	B2	870	B2	1050L
19	Tran Ngoc Dong	Nghi	21-Oct-00	88200241	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	295	B2	280	B2	295	B2	870	B2	1125L
20	Le Cong Khanh	Nhu	11-Oct-00	88019650	3/B3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 10	285	B1	285	B2	300	B2	870	B2	1160L
21	Nguyen Le Minh	Nghi	21-Oct-00	88003844	5/2	TH BÌNH GIÃ	QUẬN TÂN BÌNH	295	B2	300	B2	275	B1	870	B2	950L
22	Nguyen Minh	Man	11-Oct-00	88004145	5/2	TH TÂN SƠN NHẤT	QUẬN TÂN BÌNH	285	B1	285	B2	300	B2	870	B2	1160L

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Đọc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
								Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
23	Phan Truong	Minh	16-Oct-00	88000518	5/1	TH TÂN THÔNG	HUYỆN CÙ CHI	290	B2	285	B2	295	B2	870	B2	1125L
24	Vu Khanh	Thanh	11-Oct-00	88012764	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	285	B1	295	B2	285	B2	865	B2	1050L
25	Le Pham Khanh	Linh	11-Oct-00	88019822	5/B/10	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 10	285	B1	285	B2	295	B2	865	B2	1125L
26	Cao Anh	Duy	11-Oct-00	88007194	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	285	B1	295	B2	285	B2	865	B2	1050L
27	La Tuan	Khang	11-Oct-00	88009907	5	TH ĐỖ TẤN PHONG	QUẬN THỦ ĐỨC	285	B1	295	B2	285	B2	865	B2	1050L
28	Vu Dang Lan	Chi	6-Oct-00	88016415	5/2	TH NAM SÀI GÒN	QUẬN 7	280	B1	285	B2	300	B2	865	B2	1160L
29	Tran Huu	Bach	11-Oct-00	88021765	4/6	TH NGUYỄN BÌNH KHIÊM	QUẬN 1	285	B1	295	B2	285	B2	865	B2	1050L
30	Nguyen Vu Duc	Tai	11-Oct-00	88200026	4/SL/4A	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 2	285	B1	295	B2	280	B2	860	B2	1000L
31	Tran Tuan	Khoi	16-Oct-00	88015822	5/R1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	290	B2	295	B2	275	B1	860	B2	950L
32	Tran Nguyen Minh	Thu	11-Oct-00	88007068	4B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	285	B1	280	B2	295	B2	860	B2	1125L
33	Ngo Tuong	Quan	16-Oct-00	88022698	5	TH LƯƠNG THẾ VINH	QUẬN 1	290	B2	275	B1	295	B2	860	B2	1125L
34	Dang Ha	Duong	11-Oct-00	88016213	5/4	TH LƯƠNG THẾ VINH	QUẬN 7	285	B1	275	B1	300	B2	860	B2	1160L
35	Nguyen Buu	Nghi	11-Oct-00	88200003	5/P1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN BÌNH THẠNH	285	B1	285	B2	285	B2	855	B2	1050L
36	Le Xuan Viet	Khoi	11-Oct-00	88008569	4H5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN PHÚ NHUẬN	285	B1	280	B2	285	B2	850	B2	1050L
37	Nguyen Chanh	Nam	16-Oct-00	88015815	5/R2	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	290	B2	275	B1	285	B2	850	B2	1050L
38	Luong Thi Uy	Thuong	16-Oct-00	88007182	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	290	B2	265	B1	295	B2	850	B2	1125L
39	Nguyen Minh	Quan	6-Oct-00	88200208	5/5	TH LÊ VĂN SỸ	QUẬN TÂN BÌNH	280	B1	285	B2	285	B2	850	B2	1050L
40	Dang Trung	Nam	21-Oct-00	88021858	5/7	TH NGUYỄN BÌNH KHIÊM	QUẬN 1	295	B2	275	B1	280	B2	850	B2	1000L
41	Vo Ngoc Thien	Ha	1-Oct-00	88008426	5/2	TH NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	QUẬN PHÚ NHUẬN	275	B1	295	B2	280	B2	850	B2	1000L
42	Le Vu Mai	Khanh	11-Oct-00	88200186	4/4	TH TRẦN QUỐC TOẢN	QUẬN TÂN BÌNH	285	B1	285	B2	280	B2	850	B2	1000L
43	Nguyen Tran Bao	Nhi	11-Oct-00	88200075	5/B4	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 10	285	B1	295	B2	265	B1	845	B2	880L
44	Nguyen Tran Thanh	Nha	11-Oct-00	88019329	5	TH BẮC HẢI	QUẬN 10	285	B1	285	B2	275	B1	845	B2	950L
45	Vo Khanh	Loc	16-Oct-00	88022464	5/5	TH TRẦN HƯNG ĐẠO	QUẬN 1	290	B2	280	B2	275	B1	845	B2	950L
46	Tran Tan	Khoa	21-Oct-00	88022424	5T	TH TRẦN HƯNG ĐẠO	QUẬN 1	295	B2	275	B1	275	B1	845	B2	950L
47	Chau Bao	Tran	11-Oct-00	88016850	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	285	B1	280	B2	275	B1	840	B1	950L
48	Nguyen Tue	Minh	16-Oct-00	88200077	5/B7	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 10	290	B2	275	B1	275	B1	840	B1	950L
49	Tran Minh	Bao	11-Oct-00	88200001	5/P1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN BÌNH THẠNH	285	B1	280	B2	275	B1	840	B1	950L
50	Nguyen Trong	Hien	16-Sep-00	88007201	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	260	B1	280	B2	300	B2	840	B1	1160L
51	Tran An	Khang	11-Oct-00	88200014	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	285	B1	260	B1	295	B2	840	B1	1125L
52	Le Chi	Lan	1-Oct-00	88007167	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	275	B1	285	B2	280	B2	840	B1	1000L
53	Nguyen Lan	Anh	1-Oct-00	88200088	4/9	TH LƯƠNG THẾ VINH	QUẬN 7	275	B1	285	B2	280	B2	840	B1	1000L

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Đọc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
								Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
54	Trình Đình Vu	Hoang	11-Oct-00	88200185	5	TH NGUYỄN KHUYẾN	QUẬN TÂN BÌNH	285	B1	270	B1	285	B2	840	B1	1050L
55	Nguyen Duy Bao	Long	16-Oct-00	88200112	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	290	B2	270	B1	275	B1	835	B1	950L
56	Nguyen Quang	Minh	11-Oct-00	88016844	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	285	B1	270	B1	280	B2	835	B1	1000L
57	Tran Nguyen Minh	Anh	11-Sep-00	88019785	5/B6	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 10	255	B1	295	B2	285	B2	835	B1	1050L
58	Balcione Aiste	Nguyen	16-Oct-00	88006059	5/P2	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN BÌNH THẠNH	290	B2	265	B1	280	B2	835	B1	1000L
59	Le Tung	Duong	6-Oct-00	88007150	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	280	B1	280	B2	275	B1	835	B1	950L
60	Tu Vu Huynh	Khue	16-Oct-00	88007466	5/1	TH CỎ LOA	QUẬN PHÚ NHUẬN	290	B2	280	B2	265	B1	835	B1	880L
61	Nguyen Ba Minh	Hieu	11-Oct-00	88003608	5/5	TH LÊ VĂN SỸ	QUẬN TÂN BÌNH	285	B1	280	B2	270	B1	835	B1	910L
62	Dao Xuan	Bach	1-Oct-00	88016470	5	TH TRẦN QUỐC TOẢN	QUẬN 7	275	B1	285	B2	275	B1	835	B1	950L
63	Lim Zhi Ning	Dezarae	11-Oct-00	88016769	3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	285	B1	285	B2	260	B1	830	B1	850L
64	Tran Vu Khanh	Chau	1-Oct-00	88016835	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	275	B1	285	B2	270	B1	830	B1	910L
65	Ho Truong Kha	Ky	16-Oct-00	88007173	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	290	B2	280	B2	260	B1	830	B1	850L
66	Tran Khanh	Linh	11-Oct-00	88021605	5/2	TH LÊ NGỌC HÂN	QUẬN 1	285	B1	275	B1	270	B1	830	B1	910L
67	Dao Nam	Khang	11-Oct-00	88021795	4/9	TH NGUYỄN BÌNH KHIÊM	QUẬN 1	285	B1	265	B1	280	B2	830	B1	1000L
68	Tran Minh	Tan	11-Oct-00	88003828	5/6	TH NGUYỄN THANH TUYÊN	QUẬN TÂN BÌNH	285	B1	280	B2	265	B1	830	B1	880L
69	Le Minh Khanh	Ngoc	6-Oct-00	88022352	4T2	TH TRẦN HƯNG ĐẠO	QUẬN 1	280	B1	275	B1	275	B1	830	B1	950L
70	Tran Cao	Vinh	11-Oct-00	88016864	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	285	B1	275	B1	265	B1	825	B1	880L
71	Phan Trong	Tien	26-Sep-00	88019762	5/B4	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 10	270	B1	275	B1	280	B2	825	B1	1000L
72	Ngo Nguyen Viet	Hoang	6-Oct-00	88019793	5/B7	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 10	280	B1	265	B1	280	B2	825	B1	1000L
73	Phung Nguyen Thien	Ngan	11-Oct-00	88015816	5/R2	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	285	B1	270	B1	270	B1	825	B1	910L
74	Vo Ngoc Khanh	Quyen	1-Oct-00	88007065	4B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	275	B1	275	B1	275	B1	825	B1	950L
75	Tran	Lam	6-Oct-00	88007106	5A	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	280	B1	270	B1	275	B1	825	B1	950L
76	Nguyen Duc	Phat	6-Oct-00	88022704	5	TH LƯƠNG THẾ VINH	QUẬN 1	280	B1	280	B2	265	B1	825	B1	880L
77	Tran Thai Quynh	Tran	26-Sep-00	88008886	5/SL/1A	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 2	270	B1	280	B2	270	B1	820	B1	910L
78	Nguyen Thi Minh	Phuong	11-Oct-00	88007660	4/4	TH CAO BÁ QUÁT	QUẬN PHÚ NHUẬN	285	B1	270	B1	265	B1	820	B1	880L
79	Ton Nu Quynh	Mai	1-Oct-00	88021272	4/5	TH ĐÌNH TIỀN HOÀNG	QUẬN 1	275	B1	275	B1	270	B1	820	B1	910L
80	Ho Si	Phu	6-Oct-00	88015630	4/3	TH LÊ ANH XUÂN	QUẬN 7	280	B1	270	B1	270	B1	820	B1	910L
81	Tran Hoang	Quan	11-Oct-00	88022211	3/1	TH NGUYỄN THÁI HỌC	QUẬN 1	285	B1	275	B1	260	B1	820	B1	850L
82	Mac Nhu	Hoang	6-Oct-00	88016932	5	TH NGUYỄN TRƯỜNG TỌ	QUẬN 4	280	B1	260	B1	280	B2	820	B1	1000L
83	Phung Dang	Danh	6-Oct-00	88012779	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	280	B1	265	B1	270	B1	815	B1	910L
84	Nguyen Anh	Thong	26-Sep-00	88012766	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	270	B1	275	B1	270	B1	815	B1	910L

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Đọc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
								Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
85	Le Anh	Thu	11-Oct-00	88016849	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	285	B1	250	B1	280	B2	815	B1	1000L
86	Tran Phuc	Khang	16-Oct-00	88006071	5	DL VIỆT MỸ (VASS)	QUẬN BÌNH THẠNH	290	B2	260	B1	265	B1	815	B1	880L
87	Nguyen Hoang	Khoi	1-Oct-00	88007168	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	275	B1	265	B1	275	B1	815	B1	950L
88	Quach Kien	Phong	21-Sep-00	88021336	5/2	TH ĐÌNH TIỀN HOÀNG	QUẬN 1	265	B1	275	B1	275	B1	815	B1	950L
89	Tran Quang	Minh	1-Oct-00	88022676	5	TH LƯƠNG THẾ VINH	QUẬN 1	275	B1	265	B1	275	B1	815	B1	950L
90	Nguyen Thanh	Luan	11-Oct-00	88200053	5/2	TH PHÚ LÂM	QUẬN 6	285	B1	265	B1	265	B1	815	B1	880L
91	Hoang Huu	Minh	26-Sep-00	88015987	4	TH VÕ THỊ SÁU	QUẬN 7	270	B1	270	B1	275	B1	815	B1	950L
92	Dai Hoang	Khang	6-Oct-00	88012744	4	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	280	B1	265	B1	265	B1	810	B1	880L
93	Phan Khanh	Van	11-Oct-00	88200111	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	285	B1	260	B1	265	B1	810	B1	880L
94	Huynh Wiktor Minh	An	26-Sep-00	88006953	3B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	270	B1	265	B1	275	B1	810	B1	950L
95	Van Nhat	Minh	21-Sep-00	88006969	3B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	265	B1	270	B1	275	B1	810	B1	950L
96	Nguyen Quynh Khanh	Chi	1-Oct-00	88200177	5/3	TH ĐỒNG ĐA	QUẬN TÂN BÌNH	275	B1	260	B1	275	B1	810	B1	950L
97	Vo Dinh Khai	My	16-Sep-00	88006866	5/4	TH HỒNG HÀ	QUẬN BÌNH THẠNH	260	B1	275	B1	275	B1	810	B1	950L
98	Thach Thao	Vy	1-Oct-00	88016412	5/1	TH NAM SÀI GÒN	QUẬN 7	275	B1	275	B1	260	B1	810	B1	850L
99	Ho Dinh Thanh	Phat	6-Oct-00	88005057	5/1	TH NGUYỄN KHUYẾN	QUẬN TÂN BÌNH	280	B1	265	B1	265	B1	810	B1	880L
100	Nguyen Son	Nam	16-Sep-00	88200255	5	TH TÂN SƠN NHÌ	QUẬN TÂN PHÚ	260	B1	265	B1	285	B2	810	B1	1050L
101	Tran Anh	Nguyen	16-Oct-00	88022430	5T	TH TRẦN HƯNG ĐẠO	QUẬN 1	290	B2	255	B1	265	B1	810	B1	880L
102	Tran Nguyen Nhat	Trung	26-Sep-00	88007049	4B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	270	B1	270	B1	265	B1	805	B1	880L
103	Nguyen Le Kha	Han	1-Oct-00	88007187	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	275	B1	260	B1	270	B1	805	B1	910L
104	Dang Kim	Trang	11-Oct-00	88019069	4	TH DƯƠNG MINH CHÂU	QUẬN 10	285	B1	255	B1	265	B1	805	B1	880L
105	Nguyen Ngoc Mai	Tram	6-Oct-00	88012628	5/4	TH HOÀNG VĂN THỤ	QUẬN GÒ VẤP	280	B1	265	B1	260	B1	805	B1	850L
106	Mai Nam	Anh	26-Sep-00	88021728	4/3	TH NGUYỄN BÌNH KHIÊM	QUẬN 1	270	B1	265	B1	270	B1	805	B1	910L
107	Tran Bao	Anh	1-Oct-00	88016834	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	275	B1	265	B1	260	B1	800	B1	850L
108	Nguyen Doan Khanh	Le	16-Sep-00	88019821	5/B/10	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 10	260	B1	265	B1	275	B1	800	B1	950L
109	Nguyen Nha	Uyen	26-Sep-00	88007490	5/3	TH CỎ LOA	QUẬN PHÚ NHUẬN	270	B1	255	B1	275	B1	800	B1	950L
110	Luong Quoc	Cuong	6-Oct-00	88006849	5/3	TH HỒNG HÀ	QUẬN BÌNH THẠNH	280	B1	250	B1	270	B1	800	B1	910L
111	Lai Quoc	Anh	21-Sep-00	88200256	5B	TH MỸ HUỀ	HUYỆN HÓC MÔN	265	B1	260	B1	275	B1	800	B1	950L
112	Nguyen Yen	Dan	16-Sep-00	88009607	5/1	TH NGUYỄN VĂN TRIẾT	QUẬN THỦ ĐỨC	260	B1	280	B2	260	B1	800	B1	850L
113	Truong Ngoc Song	Ha	16-Sep-00	88200138	4/1	TH TRẦN HƯNG ĐẠO	QUẬN 1	260	B1	265	B1	275	B1	800	B1	950L
114	Pham Hai	Nam	16-Sep-00	88005324	5/3	TH YẾN THẾ	QUẬN TÂN BÌNH	260	B1	260	B1	280	B2	800	B1	1000L
115	Le Tran Bao	Khanh	21-Sep-00	88006055	5/P2	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN BÌNH THẠNH	265	B1	265	B1	265	B1	795	B1	880L

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Đọc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
								Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
116	Le Minh	Quan	6-Oct-00	88200025	5/SL/3A	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 2	280	B1	255	B1	260	B1	795	B1	850L
117	Hoang Ngoc Bao	Minh	26-Sep-00	88008621	5H4	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN PHÚ NHUẬN	270	B1	260	B1	265	B1	795	B1	880L
118	Nguyen Dinh Uyen	Thu	16-Sep-00	88007202	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	260	B1	250	B1	285	B2	795	B1	1050L
119	Ha Gia	Huy	21-Sep-00	88018830	5/3	TH AN LẠC 3	QUẬN BÌNH TÂN	265	B1	255	B1	275	B1	795	B1	950L
120	Pham Thien	Bao	26-Sep-00	88200169	5/1	TH ĐỒNG ĐA	QUẬN TÂN BÌNH	270	B1	265	B1	255	B1	790	B1	815L
121	Nguyen Le Khanh	An	26-Sep-00	88200210	4/5	TH LÊ VĂN SỸ	QUẬN TÂN BÌNH	270	B1	255	B1	265	B1	790	B1	880L
122	Tran Hoang	Anh	21-Oct-00	88200139	5T	TH TRẦN HƯNG ĐẠO	QUẬN 1	295	B2	260	B1	235	A2	790	B1	725L
123	Nguyen Pham Bao	Nam	6-Oct-00	88016801	4	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	280	B1	250	B1	250	B1	780	B1	795L
124	Phan Thai Thao	Nguyen	26-Sep-00	88016812	4	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	270	B1	260	B1	250	B1	780	B1	795L
125	Nguyen Hoang	Ngan	11-Sep-00	88012783	5	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	255	B1	270	B1	255	B1	780	B1	815L
126	Nguyen Ha	Phuong	21-Sep-00	88006053	5/P1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN BÌNH THẠNH	265	B1	265	B1	250	B1	780	B1	795L
127	Vo Bao	Ngoc	11-Sep-00	88007053	4B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	255	B1	280	B2	245	B1	780	B1	775L
128	Nguyen Thuy	Lam	21-Sep-00	88007156	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	265	B1	255	B1	260	B1	780	B1	850L
129	Nguyen Nhat Minh	Nhu	21-Sep-00	88007157	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	265	B1	250	B1	265	B1	780	B1	880L
130	Tran Ngoc Thanh	Dat	6-Oct-00	88015880	4	TH LÊ VĂN TÁM	QUẬN 7	280	B1	235	A2	265	B1	780	B1	880L
131	Nguyen Duc	Vinh	11-Sep-00	88008792	5	TH NGUYỄN HIỀN	QUẬN 2	255	B1	260	B1	265	B1	780	B1	880L
132	Nguyen The Thien	Phong	27-Aug-00	88004196	3/2	TH PHẠM VĂN HAI	QUẬN TÂN BÌNH	240	A2	285	B2	255	B1	780	B1	815L
133	Le Tran Anh	Duong	26-Sep-00	88006052	5/P1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN BÌNH THẠNH	270	B1	255	B1	250	B1	775	B1	795L
134	Quach Bao	Ngoc	6-Oct-00	88005009	5/1	TH CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	QUẬN TÂN BÌNH	280	B1	260	B1	235	A2	775	B1	725L
135	Do Tran Cat	An	1-Oct-00	88200221	5A2	TH LƯƠNG THẾ VINH	QUẬN TÂN BÌNH	275	B1	250	B1	250	B1	775	B1	795L
136	Pham Minh	Anh	1-Oct-00	88016406	5/1	TH NAM SÀI GÒN	QUẬN 7	275	B1	240	A2	260	B1	775	B1	850L
137	Nguyen Hoang	Tung	11-Sep-00	88006809	4/7	TH HỒNG HÀ	QUẬN BÌNH THẠNH	255	B1	260	B1	255	B1	770	B1	815L
138	Nguyen Ngoc Yen	Tram	11-Sep-00	88011676	5/11	TH PHAN CHU TRINH	QUẬN GÒ VẤP	255	B1	270	B1	245	B1	770	B1	775L
139	Nguyen Quoc	Thang	16-Sep-00	88011964	4/2	TH TRẦN QUANG KHẢI	QUẬN GÒ VẤP	260	B1	255	B1	255	B1	770	B1	815L
140	Nguyen Thuy	Khanh	16-Sep-00	88016010	4	TH VÕ THỊ SÁU	QUẬN 7	260	B1	250	B1	255	B1	765	B1	815L
141	Phan Phu	An	1-Oct-00	88016817	4	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	275	B1	260	B1	225	A2	760	B1	675L
142	Le Duy	Hoang	11-Sep-00	88200131	4/4	TH BÙI VĂN MỚI	QUẬN 9	255	B1	255	B1	250	B1	760	B1	795L
143	Tran Ngoc Minh	Trang	22-Aug-00	88200097	5/3	TH NAM SÀI GÒN	QUẬN 7	235	A2	275	B1	250	B1	760	B1	795L
144	Vo Ngoc Minh	Que	11-Sep-00	88022307	5/3	TH NGUYỄN THÁI HỌC	QUẬN 1	255	B1	240	A2	265	B1	760	B1	880L
145	Vo Tuan	Dung	6-Sep-00	88000855	5B	TH TAM ĐÔNG	HUYỆN HÓC MÔN	250	B1	260	B1	250	B1	760	B1	795L
146	Pham Minh	Quang	26-Sep-00	88022305	5/2	TH NGUYỄN THÁI HỌC	QUẬN 1	270	B1	255	B1	230	A2	755	B1	700L

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu		Ngữ pháp và Từ vựng		Đọc hiểu		Tổng điểm		Điểm Lexile
								Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	Điểm	CEFR	
147	Mai Cat	Tuong	11-Sep-00	88200101	5/4	TH NAM SÀI GÒN	QUẬN 7	255	B1	245	A2	250	B1	750	B1	795L
148	Bui Thien	Ngan	1-Sep-00	88021845	5/6	TH NGUYỄN BÌNH KHIÊM	QUẬN 1	245	A2	250	B1	255	B1	750	B1	815L
149	Tran Kim	Toan	16-Sep-00	88005783	3/1	TH THANH MỸ TÂY	QUẬN BÌNH THẠNH	260	B1	250	B1	240	A2	750	B1	750L
150	Pham Khanh	Linh	22-Aug-00	88007184	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	235	A2	250	B1	260	B1	745	B1	850L
151	Nguyen Minh	Anh	11-Sep-00	88200207	5/5	TH LÊ VĂN SỸ	QUẬN TÂN BÌNH	255	B1	240	A2	250	B1	745	B1	795L
152	Nguyen Pham Thuy	Uyen	11-Sep-00	88016377	4/2	TH NAM SÀI GÒN	QUẬN 7	255	B1	240	A2	250	B1	745	B1	795L
153	Vo Ngoc Thien	Kim	11-Sep-00	88001678	5G	TH THỜI TAM	HUYỆN HÓC MÔN	255	B1	240	A2	250	B1	745	B1	795L
154	Tran Ngoc Truc	Linh	12-Aug-00	88022463	5/5	TH TRẦN HƯNG ĐẠO	QUẬN 1	225	A2	260	B1	260	B1	745	B1	850L
155	Le Anh	Tri	11-Sep-00	88012737	4	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	255	B1	255	B1	230	A2	740	A2	700L
156	Nguyen Ngoc Bao	Tran	16-Sep-00	88200126	5/6	TH BÙI VĂN MỚI	QUẬN 9	260	B1	235	A2	245	B1	740	A2	775L
157	Giang Huynh Minh	Thu	1-Sep-00	88021401	4/1	TH HÒA BÌNH	QUẬN 1	245	A2	250	B1	245	B1	740	A2	775L
158	Ha Tieu	Cuong	11-Sep-00	88016947	5	DL ANH VIỆT MỸ	QUẬN 4	255	B1	240	A2	240	A2	735	A2	750L
159	Nguyen Thanh	Thu	1-Sep-00	88004422	5/5	TH ĐÔNG ĐA	QUẬN TÂN BÌNH	245	A2	240	A2	250	B1	735	A2	795L
160	Nguyen Tuan	Dung	6-Sep-00	88008437	5/4	TH NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	QUẬN PHÚ NHUẬN	250	B1	250	B1	235	A2	735	A2	725L
161	Dinh Gia	Long	22-Aug-00	88200095	5/9	TH LƯƠNG THẾ VINH	QUẬN 7	235	A2	250	B1	245	B1	730	A2	775L
162	Le Ha Thuy	Minh	11-Sep-00	88008839	5	TH NGUYỄN HIỀN	QUẬN 2	255	B1	250	B1	225	A2	730	A2	675L
163	Phan Nguyen Minh	Khue	11-Sep-00	88005157	5/1	TH TRẦN QUỐC TUẤN	QUẬN TÂN BÌNH	255	B1	235	A2	240	A2	730	A2	750L
164	Le Thuy	Anh	27-Aug-00	88007158	5B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	240	A2	240	A2	245	B1	725	A2	775L
165	Nguyen Hoang Thien	An	6-Sep-00	88004307	5/2	TH BẠCH ĐĂNG	QUẬN TÂN BÌNH	250	B1	240	A2	225	A2	715	A2	675L
166	Le Nguyen Thanh	Tuan	11-Sep-00	88005015	5/1	TH CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	QUẬN TÂN BÌNH	255	B1	235	A2	220	A2	710	A2	645L
167	Le Gia	Han	17-Aug-00	88020435	5A	TH TRẦN QUỐC THẢO	QUẬN 3	230	A2	230	A2	240	A2	700	A2	750L
168	Vo Huynh Tri	Nhan	12-Aug-00	88007089	4B	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	225	A2	220	A2	205	< A2	650	< A2	550L